

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1
TỈNH QUẢNG TRỊ

Bản án số: 31/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 24/4/2026

“V/v Ly hôn”

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1, TỈNH QUẢNG TRỊ

- **Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hồng Thắm

Các hội thẩm nhân dân: Bà Phan Thị Tuyết và bà Nguyễn Thị Loan

- **Thư ký phiên toà:** Bà Ngô Bá Diệu Linh - Thư ký Toà án nhân dân Khu vực 1, tỉnh Quảng Trị

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1, tỉnh Quảng Trị tham gia phiên toà:** Bà Phạm Thị Thanh Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2026 tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân Khu vực 1, tỉnh Quảng Trị mở phiên toà xét xử công khai sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 217/2025/TLST - HNGĐ ngày 28/11/2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 106/2026/QĐXXST - HNGĐ ngày 28/3/2026 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Anh Hoàng Văn T, sinh năm 1996; nơi ĐKNKTT: thôn L, xã K, tỉnh Tuyên Quang; địa chỉ hiện tại: Phòng 101, tên nhà ở Shutorisaido hasegawa B, thành phố Shimochi 419-2, huyện Sekishi, tỉnh Gifuken, Nhật Bản- Có đơn xét xử vắng mặt.

Số căn cước công dân: 088096008368

- **Bị đơn:** Chị Hoàng Thị V, sinh năm 1997; nơi ĐKNKTT: thôn Th1, xã B, tỉnh Quảng Trị; địa chỉ hiện tại: 2-5-3-401 Akitsu, thành phố Narashino, tỉnh Chiba, Nhật Bản - Có đơn xét xử vắng mặt.

Số căn cước công dân: 044197000602

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, đơn xin xử vắng mặt anh Hoàng Văn T trình bày: Anh và chị Hoàng Thị V kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bình Nhân, huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang (nay là xã K, tỉnh Tuyên Quang) vào ngày 31/8/2022. Sau khi kết hôn, vì kinh tế khó khăn anh T đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản. Thời gian đầu vợ chồng thường xuyên liên lạc hỏi thăm, quan tâm nhau. Về sau, do áp lực công việc, khoảng cách địa lý cũng như bất đồng quan điểm sống nên anh chị phát sinh mâu thuẫn, tranh cãi. Đến năm 2024, anh chị đã quyết định sống ly thân không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Đã

nhiều lần vợ chồng cố gắng hàn gắn tình cảm, gia đình hai bên can thiệp hoà giải nhưng mâu thuẫn của vợ chồng ngày càng trầm trọng, kéo dài tình cảm vợ chồng không còn, cả hai không còn quan tâm chăm lo đến đời sống chung nữa. Nay, xét thấy tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh đề nghị Toà án giải quyết quyết cho anh được ly hôn với chị Hoàng Thị V.

Quá trình chung sống, vợ chồng anh chị không có con chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng: Anh T trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 16/12/2025 và ngày 15/01/2026 bị đơn chị Hoàng Thị V trình bày: Chị và anh Hoàng Văn T kết hôn trên tinh thần tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã Bình Nhân, huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang (nay là xã K, tỉnh Tuyên Quang) vào ngày 31/8/2022. Sau khi kết hôn, vì kinh tế khó khăn nên anh T đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản. Thời gian đầu vợ chồng thường liên lạc với nhau, quan tâm nhau. Về sau, do áp lực công việc, khoảng cách địa lý nên xảy ra những bất đồng trong quan điểm sống. Đến năm 2024 vợ chồng anh chị sống ly thân không còn quan tâm đến nhau nữa. Cả hai đã cố gắng hàn gắn, gia đình hoà giải nhưng mâu thuẫn của vợ chồng ngày càng trầm trọng, kéo dài. Nay, anh T làm đơn ly hôn chị cũng đồng ý ly hôn đề nghị Toà án giải quyết cho anh chị được ly hôn để giải thoát cho cả hai.

Về con chung: quá trình chung sống anh chị không có con chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại phiên toà, đại diện VKSND Khu vực 1 phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án và tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký Tòa án cơ bản thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Mặc dù việc mở phiên tòa chưa đảm bảo thời gian mở sớm nhất theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 476 Bộ luật tố tụng dân sự, tuy nhiên hồ sơ vụ án dân sự đã thu thập đầy đủ tài liệu, chứng cứ, nguyên đơn và bị đơn đều có đơn đề nghị không tổ chức hoà giải và sớm đưa vụ án ra xét xử, không cần kéo dài thời gian theo thông báo thụ lý. Do đó, việc xét xử sớm không ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đương sự.

Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt.

Về nội dung vụ án: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng đã căng thẳng, hai bên đã sống ly thân nên tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, 56, 57, 123, 127 Luật Hôn nhân gia đình; Điều

4 Nghị Quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao đề nghị xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh T: xử cho anh T được ly hôn với chị V. Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội anh T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Căn cứ đơn khởi kiện anh Hoàng Văn T đề nghị Tòa án nhân dân Khu vực 1 giải quyết ly hôn đối với chị Hoàng Thị V, xác định quan hệ pháp luật của vụ án là “Ly hôn”; chị V có nơi cư trú cuối cùng trước khi xuất cảnh là thôn Th1, xã B, tỉnh Quảng Trị, do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 1, tỉnh Quảng Trị theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 123, 127 Luật hôn nhân và gia đình.

Quá trình giải quyết vụ án anh T và chị V có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt đã được hợp pháp hoá lãnh sự. Do đó, Toà án xét xử vắng mặt anh T và chị V theo quy định tại Điều 228 và 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị V đăng ký kết hôn ngày 31/8/2022 tại UBND xã Bình Nhân, huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang. Việc kết hôn có tự do tìm hiểu và hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc, tuân thủ quy định Luật hôn nhân và gia đình nên đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn, đến năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn nên anh chị sống ly thân không quan tâm gì đến nhau nữa. Tại bản tự khai, đơn giải quyết vắng mặt, anh T và chị V điều thừa nhận vợ chồng không còn tình cảm, cuộc sống chung không tồn tại nên anh T yêu cầu đề nghị Toà án giải quyết được ly hôn chị V và chị V cũng đồng ý. Xét thấy tình cảm vợ chồng của anh T và chị V đã hết, mâu thuẫn đã đến mức độ trầm trọng không thể hàn gắn được, cuộc sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, Điều 4 Nghị Quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao chấp nhận đơn khởi kiện của anh T xử cho anh Hoàng Văn T được ly hôn chị Hoàng Thị V là phù hợp.

[2.2] Con chung: Quá trình chung sống anh T và chị V không có con chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Anh T và chị V trình bày không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xem xét.

[2.4] Về án phí: Anh Hoàng Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 123, 127 Luật Hôn nhân gia đình; Các Điều 28, 35, 227, 228, 238, 273, 464, 469, khoản 2 Điều 479, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị Quyết số 01/2024/NQ-HĐTP, ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội, xử:

1. Xét xử vắng mặt anh Hoàng Văn T và chị Hoàng Thị V.
2. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Hoàng Văn T, xử cho anh Hoàng Văn T được ly hôn chị Hoàng Thị V.
3. Về quan hệ con chung: Không xem xét.
4. Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: không xem xét.
5. Về án phí: Buộc anh Hoàng Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0001991 ngày 26/11/2025 tại thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị.
6. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND Khu vực 1;
 - THADS tỉnh Quảng Trị;
 - TAND tỉnh Quảng Trị;
 - UBND xã K, Tuyên Quang
- Số GCNKH: 11 ngày 31/8/2022;
- Các đương sự;
 - Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Thị Hồng Thắm

